

Bản án số: 162/2023/DS-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2023/TLST-DS về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-DS ngày 01/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2023/QĐST-DS ngày 18/8/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Công D**, sinh năm: 1983 và bà **Phan Thị H**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: **K115 V, tổ A, phường H, quận C, tp .** Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Mai Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm: 1983 và bà **Phan Thị Tuyết S**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: **tổ C, phường H, quận C, tp .** Ông **H1** vắng mặt, bà **S** có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện nguyên đơn ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H**, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06/8/2017, nguyên đơn ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H** ký kết Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà với vợ chồng ông **M Nguyễn Ngọc H1** và bà **Phan Thị Tuyết S**, giá trị chuyển nhượng là 550.000.000 đồng. Ông bà đã đưa trước cho ông **H1**, bà **S** 250.000.000 đồng và hẹn khi nào ông **H1**, bà **S** làm xong Giấy chứng nhận thì sẽ giao hết tiền.

Ngày 09/9/2017, vợ chồng ông bà đưa cho ông H1 số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 20/9/2017 thì đưa tiếp số tiền 30.000.000 đồng. Hai lần đưa tiền này đều có biên nhận do ông H1 ký. Đến ngày 10/10/2017 thì vợ chồng ông bà có đưa cho ông H1 số tiền 20.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ (bà H đang nằm viện mà ông H1 vẫn lên mượn tiền nên bà không viết giấy biên nhận). Khi nhận tiền thì ông bà chỉ nghe ông H1 nói là để làm giấy tờ nhưng không biết là làm gì.

Trong quá trình Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án “tranh chấp quyền sử dụng đất” thì ông H1 thừa nhận đã nhận số tiền 100.000.000 đồng từ ông bà nhưng ông cho rằng đây là số tiền ông mượn riêng, không phải là tiền để chuyển nhượng QSDĐ nên Tòa án đã tách số tiền này ra để giải quyết vụ án khác.

Để bảo vệ quyền lợi của mình, ông bà khởi kiện buộc ông H1 và bà S có trách nhiệm thanh toán cho ông bà số tiền nợ 169.963.959 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là: 69.963.959 đồng tính từ ngày 11/10/2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị ông H1 và bà S có trách nhiệm thanh toán cho ông bà số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày ông bà khởi kiện là ngày 08/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm.

* Bị đơn ông Mai Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Ông H1 chỉ nhận của ông D và bà H 80.000.000 đồng nhưng ông đã gửi lại cho ông D là 43.000.000 đồng; giờ chỉ còn lại 37.000.000 đồng. Theo yêu cầu đơn khởi kiện của ông D và bà H, ông H1 không đồng ý.

Tại phiên tòa ông đồng ý thanh toán cho ông D và bà H số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 08/5/2023 đến nay.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Tuyết S: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà S đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

- Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông **Mai Nguyễn Ngọc H1** và bà **Phan Thị Tuyết S** trả số tiền nợ vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, quan hệ pháp luật là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

- Về thẩm quyền: bị đơn ông **Mai Nguyễn Ngọc H1** và bà **Phan Thị Tuyết S** có địa chỉ tại **tổ C, phường H, quận C, tp .** Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, tranh chấp phát sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, **tp .**

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và bà **Phan Thị Tuyết S** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà **Phan Thị Tuyết S** vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **Phan Thị Tuyết S**.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi thời gian tính lãi

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông **H1** và bà **S** thanh toán số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ tính từ ngày 08/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn và việc thay đổi yêu cầu tính lãi là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định nên HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về thay đổi thời gian tính lãi.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H** buộc bị đơn ông **Mai Nguyễn Ngọc H1** và bà **Phan Thị Tuyết S** thanh toán số tiền gốc 80.000.000 đồng:

[4.1] Ngày 09/9/2017, ông **Trương Công D** và ông **M Nguyễn Ngọc H1** ký Giấy nhận tiền với số tiền là: 50.000.000 đồng. Đến ngày 20/9/2017 thì ông **Trương Công D** và ông **Mai Nguyễn Ngọc H1** ký Giấy nhận tiền số tiền 30.000.000 đồng. Hai lần đưa tiền này đều có biên nhận do ông **H1** ký. Các biên bản này đều có chữ ký của ông **H1** và đã được ông thừa nhận tại bản tự khai nên đây là tình tiết không phải chứng minh căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

[4.2] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ngày 10/10/2017 thì vợ chồng ông bà có đưa cho ông **H1** số tiền 20.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ do bà **H** đang nằm viện nên bà không viết giấy biên nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông **H1** đều không thừa nhận việc này. Tại phiên tòa, ông bà rút yêu cầu đối với số tiền 20.000.000 đồng nên HĐXX không xem xét.

[4.3] Ông **H1** cho rằng ông đã gửi lại cho ông **D** số tiền là 43.000.000 đồng nhưng ông không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Ông **H1** phải chịu trách nhiệm về việc không xuất trình được chứng cứ chứng minh theo Điều 91 BLTTDS. Tại phiên tòa, ông **H1** thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 80.000.000 đồng

[4.4] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông **H1** bà **S** phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ông bà. HĐXX nhận thấy, tất cả các khoản vay đều do ông **H1** ký xác nhận và không có chữ ký của bà **S**. Nội dung vay mượn cũng không được thể hiện trong giấy vay tiền và không có căn cứ để thể hiện bà **S** biết và đồng ý về các khoản vay trên. Trong quá trình giải quyết, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bà **S** không tham gia tố tụng nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên đới của bà **S** trong quan hệ vay tiền giữa hai bên.

[4.5] Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 469 BLDS và theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **M Nguyễn Ngọc H1** có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 80.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà **S** phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm thanh toán từ ngày 08/5/2023 đến ngày 28/8/2023 trên số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng

[5.1] Các Giấy mượn tiền ngày 09/9/2017 và ngày 20/9/2017 đều không có thể hiện ngày trả tiền và lãi suất các bên đã thỏa thuận nên HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và không lãi suất. Khoản 1 Điều 469 BLDS quy định: *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho*

vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, việc ông D bà H xác định thời điểm tính lãi từ ngày 11/10/2017 là không có cơ sở.

[5.2] Căn cứ hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án số: 91/2019/TLST-DS về “yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu”, ông D và bà H đã xác định số tiền 100.000.000 đồng đưa cho ông M Nguyễn Ngọc H1 là số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tuy nhiên, ông H1 không thừa nhận và xác định đây là số tiền mượn riêng. Do giấy mượn tiền không xác định được mục đích ông H1 mượn tiền và tại phiên tòa ông D và bà H xác định đây là số tiền ông H1 mượn để làm nhà nên Bản án số 115/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 đã tách số tiền 100.000.000 đồng này để các bên có thể khởi kiện vụ án khác nên có yêu cầu. Bản án số 115/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 bị kháng cáo và đến ngày 11/4/2023, HĐXX phúc thẩm của TAND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 44/2023/QĐ-PT ngày 11/4/2023. Thời điểm bản án số 115/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 có hiệu lực pháp luật được xác định là ngày 11/4/2023 và đến ngày 09/5/2023, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nhận được đơn khởi kiện của ông bà đề ngày 08/5/2023. Như vậy, thời điểm ông bà thực hiện quyền đòi lại tài sản theo Điều 469 BLDS là ngày 08/5/2023 và là thời điểm tính lãi chậm thanh toán. HĐXX nhận thấy việc nguyên đơn thay đổi thời gian tính lãi là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận. Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Nguyễn Ngọc H1 cũng thống nhất về thời gian tính lãi.

[5.3] Về lãi suất: ông bà yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS nên HĐXX chấp nhận.

[5.4] Tiền lãi ông H1 có trách nhiệm thanh toán được tính lại như sau: $80.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 365 \text{ ngày} \times 112 \text{ ngày} = 2.454.794 \text{ đồng}$.

[5.5] Như vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông D bà H, buộc ông H1 phải trả cho ông D số tiền lãi là 2.454.794 đồng;

[6] Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của ông D bà H, buộc ông H1 có trách nhiệm thanh toán cho ông D và bà H số tiền nợ là 82.454.794 đồng, trong đó số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08/5/2023 đến 28/8/2023 là 2.454.794 đồng; không chấp nhận yêu cầu của ông D và bà H buộc bà S phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên.

[7] Đối với ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 4.122.739 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 157, 158, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 466, Điều 469 BLDS và Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H**; buộc ông **M Nguyễn Ngọc H1** phải trả cho Ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H** tổng số tiền là 82.454.794 đồng, trong đó số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/5/2023 đến 28/8/2023 là 2.454.794 đồng.

Kể từ ngày ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **M Nguyễn Ngọc H1** không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông **M Nguyễn Ngọc H1** phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H** buộc bà **Phan Thị Tuyết S** phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Mai Nguyễn Ngọc H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.122.739 đồng.
- Ông **Trương Công D** và bà **Phan Thị H** được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.225.000 đồng theo biên lai thu số 0000699 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp ..

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THÂM NHÂN DÂN

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Hiếu Mai Văn D1

Nguyễn Hữu H2